

PHỤ LỤC I
MẪU BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN CỦA CƠ SỞ GIÁO DỤC THỰC HIỆN
CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC MẦM NON, GIÁO DỤC PHỔ THÔNG,
GIÁO DỤC THƯỜNG XUYÊN¹

*(Kèm theo Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03 tháng 06 năm 2024
của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)*

UBND QUẬN BÌNH THẠNH
TRƯỜNG MẦM NON 14
BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
Năm: 2024

I. THÔNG TIN CHUNG²

1. Tên trường: Trường Mầm non 14

2. Địa chỉ:

+ Cơ sở: 2/17 Nơ Trang Long, phường 14, quận Bình Thạnh, Tp.HCM

3. Loại hình: Trường công lập

4. Sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu:

Sứ mệnh

Nhiệm vụ của nhà trường là mang tới cho các bé mầm non một môi trường giáo dục **An toàn - Thân thiện - Tận tâm**. Phát triển theo phương châm “**Trẻ là trung tâm trong quá trình nuôi, dạy**”.

Sứ mệnh của nhà trường là cung cấp một chương trình nuôi - dạy tâm huyết được xây dựng trên nền tảng văn hóa dân tộc nhằm đào tạo nên một thế hệ trẻ thể lực khỏe mạnh; trí tuệ thông minh; nhân cách hoàn thiện.

Tầm nhìn

Hướng đến xây dựng trường học đạt chuẩn về việc giáo dục và nuôi dưỡng, giúp phát triển hoàn thiện thể chất cũng như những kỹ năng sống của trẻ ngay từ nhỏ.

Khuyến khích trẻ không ngừng phát triển các mối quan hệ tự nhiên và xã hội xung quanh mình, từ đó kích thích sự tò mò ham thích khám phá, mong muốn tìm hiểu thế giới xung quanh của trẻ, điều này sẽ giúp các bé tiếp thu kiến thức một cách tự nhiên, có khả năng tư duy sáng tạo, phát triển về kiến thức lẫn nhân cách một cách toàn diện.

Mục tiêu

Nuôi dưỡng cho trẻ tâm hồn giàu cảm xúc, giàu tình yêu thương cho chính bản thân mình và cho mọi người.

Chăm sóc cho trẻ phát triển thể chất khỏe mạnh, linh hoạt, dẻo dai và ưa thích hoạt động rèn luyện sức khỏe.

Kích thích trẻ phát triển nhận thức đi cùng phát triển khả năng tư duy nhạy bén và óc sáng tạo.

Hình thành tính tự lập, lòng tự tin, mạnh dạn thể hiện con người chân thật của mình, thực hành khả năng lựa chọn và ra quyết định.

Khơi gợi và nuôi dưỡng óc sáng tạo, năng khiếu âm nhạc, hội họa, ngôn ngữ...

Tập cho trẻ nếp sống văn minh: cư xử lịch sự và tôn trọng mọi người, biết xếp hàng chờ, yêu thương và chia sẻ, để rác đúng chỗ, tình yêu thiên nhiên và phong cách sống tôn trọng đối với môi trường tự nhiên...

5. Quá trình hình thành và phát triển:

Trường Mầm non 14 được thành lập năm 1994 theo Quyết định số 219/QĐ-UB. Trường có 1 cơ sở chính được đặt tại số 2/17 Nơ Trang Long, phường 14, quận Bình Thạnh.

Trường thu nhận trẻ từ 13 tháng tuổi đến 6 tuổi. Với đầy đủ các phòng chức năng, có đầy đủ trang thiết bị, đồ dùng, đồ chơi phục vụ cho công tác chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục trẻ.

Trải qua 30 năm phấn đấu, xây dựng và phát triển đến nay trường đã có 29 CB, GV, NV và 10 nhóm lớp với hơn 200 học sinh.

Năm học 2023 - 2024 trường được công nhận: Trường đạt chuẩn Xanh - sạch - đẹp - an toàn; Trường đạt chuẩn kiểm định chất lượng mức độ 1; trường đạt trường có nếp sống Văn hóa. Nhiều năm liên trường đạt giấy khen Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao.

6. Thông tin người đại diện pháp luật:

- Họ và tên: Nguyễn Thị Nam Phương
- Chức vụ: Hiệu trưởng
- Địa chỉ nơi làm việc: 2/17 Nơ Trang Long, phường 14, quận Bình Thạnh
- Số điện thoại: 094 472 1339
- Địa chỉ thư điện tử: namphuong.edu@gmail.com

7. Tổ chức bộ máy:

- a. Quyết định số 219/QĐ-UB ngày 19 tháng 9 năm 1994 về việc sắp xếp mạng lưới giáo dục quận Bình Thạnh.
- b. Quyết định Kiện toàn Hội đồng trường số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2024.
- c. Quyết định bổ nhiệm Hiệu trưởng số 1281/QĐ-UBND ngày 18 tháng 3 năm 2024 về bổ nhiệm cán bộ quản lý ngành giáo dục.

II. ĐỘI NGŨ NHÀ GIÁO, CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ NHÂN VIÊN³

STT	Nội dung	Tổng số	Trình độ đào tạo						Chuẩn nghề nghiệp				Bồi dưỡng hàng năm	
			TS	ThS	ĐH	CD	TC	Dưới TC	Tốt	Khá	Đạt	Chưa đạt	Hoàn thành	Không hoàn thành
	Tổng số giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên	29			20	3	2	4	7	13			20	
I	Giáo viên	20			18	2			6	13			19	
1	Nhà trẻ	6			5	1			1	5			6	
2	Mẫu giáo	14			13	1			5	8			13	
II	Cán bộ quản lý	1			1				1				1	

1	Hiệu trưởng	1			1				1				1	
2	Phó hiệu trưởng													
III	Nhân viên	8			1	1	2	4						
1	Nhân viên văn thư	1					1							
2	Nhân viên kế toán	1				1								
3	Thủ quỹ													
4	Nhân viên y tế													
5	Nhân viên khác	6			1		1	4						

III. CƠ SỞ VẬT CHẤT⁴

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	Tổng số phòng	12	Số m ² /trẻ em
II	Loại phòng học	12	
1	Phòng học kiên cố	12	
2	Phòng học bán kiên cố	0	
3	Phòng học tạm	0	
4	Phòng học nhờ	0	
III	Số điểm trường	1	
IV	Tổng diện tích đất toàn trường (m²)	1.599m ²	4,92m ²
V	Tổng diện tích sân chơi (m²)	465m ²	4,43m ²
VI	Tổng diện tích một số loại phòng	992,38m ²	3,05 m ²
1	Diện tích phòng sinh hoạt chung (m ²)	535,78m ²	1,65 m ²
2	Diện tích phòng ngủ (m ²)		Ngủ phòng SH chung
3	Diện tích phòng vệ sinh (m ²)	137,1m ²	0,42m ²
4	Diện tích hiên chơi (m ²)	329,22m ²	1,01m ²
5	Diện tích phòng giáo dục thể chất (m ²)	68,4m ²	
6	Diện tích phòng giáo dục nghệ thuật hoặc phòng đa chức năng (m ²)	64,96m ²	
7	Diện tích nhà bếp và kho (m ²)	85,48m ²	
VII	Tổng số thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)		
1	Số bộ thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu hiện có theo quy định	12	01 bộ/nhóm (lớp)
2	Số bộ thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu còn thiếu so với quy định	00	
VIII	Tổng số đồ chơi ngoài trời	19	19bộ/sân chơi (trường)
IX	Tổng số thiết bị điện tử-tin học đang được sử dụng phục vụ học tập (máy vi tính, máy chiếu, máy ảnh kỹ thuật số v.v...)	26	
X	Tổng số thiết bị phục vụ giáo dục khác (Liệt kê các thiết bị ngoài danh	12	1 thiết bị/nhóm (lớp)

	mức tối thiểu theo quy định)					
1	...					
XI	Nhà vệ sinh	Số lượng(m ²)				
		Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh		Số m ² /trẻ em	
			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	7,18m ²		129,92m ²		0,4m ²
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*	0				

IV. KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC⁵

a. Kết quả tự đánh giá chất lượng giáo dục: Đạt cấp độ 1.

b. Kết quả đánh giá ngoài và công nhận đạt kiểm định chất lượng giáo dục: Quyết định số 1785-9/QĐ-GDĐT-KTKĐCLGD ngày 27 tháng 8 năm 2020 về công nhận đạt kiểm định chất lượng giáo dục cấp độ 1.

Kế hoạch và kết quả thực hiện cải tiến chất lượng sau đánh giá ngoài trong 05 năm tiếp theo và hằng năm.

V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC⁶

STT	Nội dung	Tổng số trẻ em	Nhà trẻ			Mẫu giáo		
			3-12 tháng tuổi	13-24 tháng tuổi	25-36 tháng tuổi	3-4 tuổi	4-5 tuổi	5-6 tuổi
I	Tổng số trẻ em	218	0	28	26	33	71	60
1	Số trẻ em nhóm ghép	0						
2	Số trẻ em học 1 buổi/ngày	0						
3	Số trẻ em học 2 buổi/ngày	218	0	28	26	33	71	60
4	Số trẻ em khuyết tật học hòa nhập	0						
II	Số trẻ em được tổ chức ăn bán trú	218	0	28	26	33	71	60
III	Số trẻ em được kiểm tra định kỳ sức khỏe	218	0	28	26	33	71	60
IV	Số trẻ em được theo dõi sức khỏe bằng biểu đồ tăng trưởng	218	0	28	26	33	71	60
V	Kết quả phát triển sức khỏe của trẻ em							
1	Số trẻ cân nặng bình thường	218	0	28	26	33	71	60
2	Số trẻ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân	0	0	0	0	0	0	0
3	Số trẻ suy dinh dưỡng thể thấp còi	218	0	28	26	33	71	60
4	Số trẻ suy dinh dưỡng thể còi cọc	0	0	0	0	0	0	0
5	Số trẻ thừa cân béo phì	6	0	0	0	2	4	13
VI	Số trẻ em học các chương trình chăm sóc giáo dục							
1	Chương trình giáo dục nhà trẻ	54		28	26			
2	Chương trình giáo dục mẫu giáo	164				1	2	3

VI. KẾT QUẢ TÀI CHÍNH⁷

STT	Nội dung	Số tiền (triệu đồng)
1	Các khoản thu, chi hoạt động	
a	Các khoản thu	
	Nguồn kinh phí (ngân sách NN, học phí, các khoản thu khác)	6.162.056
	Loại hoạt động	
b	Các khoản chi	
	Chi tiền lương và thu nhập (lương, phụ cấp, lương tăng thêm...)	3.983.090
	Chi cơ sở vật chất và dịch vụ (mua sắm, sửa chữa, bảo dưỡng...)	
	Chi hỗ trợ người học (học bổng, trợ cấp, phong trào, khen thưởng...)	
	Chi khác	
2	Các khoản thu và mức thu đối với người học	
	Học phí, lệ phí	170.4
	Các khoản thu và mức thu ngoài học phí, lệ phí	110.957

3. Chính sách và kết quả thực hiện chính sách hằng năm về trợ cấp và miễn, giảm học phí, học bổng đối với người học.

4. Số dư các quỹ theo quy định, kể cả quỹ đặc thù (nếu có).

5. Các nội dung công khai tài chính khác thực hiện theo quy định của pháp luật về tài chính, ngân sách, kế toán, kiểm toán, dân chủ cơ sở.

VII. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM KHÁC⁸

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ



Nguyễn Thị Nam Phương

¹ Mẫu Báo cáo thường niên chỉ quy định các yêu cầu thông tin bắt buộc; tiêu đề, thứ tự chương mục và hình thức trình bày thông tin do cơ sở giáo dục quyết định, bảo đảm thể hiện rõ nội dung của thông tin theo yêu cầu.

² Bao gồm các thông tin được quy định tại Điều 4 của Thông tư này.

³ Bao gồm các thông tin của năm báo cáo được quy định tại khoản 1 Điều 6, khoản 1 Điều 8, khoản 1 Điều 10 của Thông tư này, đối sánh số liệu với năm trước liền kề.

⁴ Bao gồm các thông tin của năm báo cáo được quy định tại khoản 2 Điều 6, khoản 2 Điều 8, khoản 2 Điều 10 của Thông tư này, đối sánh số liệu với năm trước liền kề.

⁵ Bao gồm các thông tin của năm báo cáo được quy định tại khoản 3 Điều 6, khoản 3 Điều 8, khoản 3 Điều 10 của Thông tư này, đối sánh số liệu với năm trước liền kề.

⁶ Bao gồm các thông tin của năm báo cáo được quy định tại khoản 2, 3 Điều 7, khoản 2, 3 Điều 9, khoản 2, 3 Điều 11 của Thông tư này, đối sánh số liệu với năm trước liền kề.

⁷ Bao gồm các thông tin của năm báo cáo được quy định tại khoản 1, 3, 4 Điều 5 của Thông tư này, đối sánh số liệu với năm trước liền kề.

⁸ Kết quả thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm khác của cơ sở giáo dục và của ngành.